Tiết 19,20 **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Kiến thức về dấu chấm lửng

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ

- Vận dụng kiến thức về phó từ để làm các bài tập

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

**2. Thiết bị**

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ*Gv tổ chức trò chơi Bức ảnh bí mật. Bức ảnh bí mật là chủ đề của tiết học. Để lật mở được, hs phải mở 4 miếng ghép tương ứng với 6 câu hỏi**Câu 1: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: ê/t/l/i/k/ệ**Câu 2: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: n/ậ/g/n/ừ/g/p/n/g**Câu 3: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: m/â/b/c/i/h/ế/m**Câu 4: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: q/ắ/n/u/ã/g/n/g/t*Cách 2:  *+ Kể tên một số người bạn mà em yêu mến/ Kể tên một số nơi mà em đã từng đến/ Một số con sông/bãi biển/hòn đảo**+ Giả sử còn một vài người bạn/ địa danh mà em chưa nhớ hết hoặc không đủ chỗ để ghi thì em sẽ kí hiệu như thế nào…*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.- Gv quan sát, hỗ trợ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS báo cáo kết quả;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***- GV dẫn dắt vào bài học mới* | *Cách 1:* *- Liệt kê**- Ngập ngừng**- Châm biếm**- Ngắt quãng**=> Bức ảnh bí mât: Dấu chấm lửng*省略号边框元素素材下载-正版素材401460080-摄图网*Cách 2: Gợi ý**Lan, Hoa, Minh...**=> Gv định hướng vào dấu ...* |
| **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*Gv phát PHT số 1, học sinh thảo luận theo nhóm 4-6 hs*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Tác dụng của dấu ba chấm** | **Kết luận****(Khái niệm, công dụng** |
| Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân… |  |  |
| […]Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng đặt lên đầu phản.  |  |
| Trước đây, ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, sân khấu cho rối nước là...ao làng. Ghế ngồi của khán giả là... thảm cỏ quanh ao |  |
| -Bẩm...quan lớn...đê vỡ mấy rồi! |  |
| Thấy trời đã sángGà gáy ó…o… |  |

- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, hỗ trợ- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **I. Lí thuyết****1. Khái niệm**Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (…), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.**2. Công dụng**  - Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. - Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. - Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng. |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** |
| **NV1: Bài tập 1, 2****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2theo nhóm. Cùng trao đổi và thảo luận- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **Bài 1**a. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hếtb. Dấu chấm lửng tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hếtc. Dấu chấm lửng thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãngd. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hếtđ. Dấu chấm lửng biểu thị sự kéo dài của âm thanh gà gáye. Dấu chấm lửng thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng**Bài 2**a. Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng của Chiên con khi bị sói bắt nạtb. Dấu chấm lửng thể hiện  còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết |
| **NV2: Bài tập 3****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV phát phiếu học tập số 2 |  |
|

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **a1** | **a2** | **b1** | **b2** |
| **Điểm tương đồng** |  |  |
| **Khác biệt** |  |  |  |  |

**Gợi ý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **a1** | **a2** | **b1** | **b2** |
| **Điểm tương đồng** | Nói về sự kiêu ngạo, huênh hoang của chú | Nói về sự thật hiển nhiên của bầu trời |
| **Khác biệt** | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung châm biếmvề sự ảo tưởng của ếch, khi coi mình là “chúa tể”. | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp câu văn, tạo nên sự bất ngờ, gây hứng thú cho người đọc về một sự thật hiển nhiên “bầu trời vẫn là bầu trời”. |

**.** |
| **NV3: Bài tập 4,5****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2theo nhóm. Cùng trao đổi và thảo luận- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 4.**Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.Dấu chấm lửng thử hai: Thể hiện chỗ lời nói bị bỏ dởb. Cả hai dấu chấm lửng đều dùng để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt**Bài 5.** a. Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.b. Dấu chấm lửng thứ nhất: “cực...cực” Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con gà trống.- Dấu chấm lửng thứ 2: “mặc, mặc,...”: Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con vịt.- Dấu chấm lửng thứ 3: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. |
| **PHT số 3****So sánh bài 4 và 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bài 5** | **Bài 4** |
| **Giống nhau** |  |
| **Khác nhau** |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bài 5** | **Bài 4** |
| **Giống nhau** | Tác dụng của dấu chấm lửng ở cả hai bài đều để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. |
| **Khác nhau** | -Lời trích dẫn bị lược bớt ở đây là cả một đoạn văn.-Dấu chấm lửng được tách thành hẳn một dòng riêng. | -Lời trích dẫn bị lược bớt chỉ là một từ hoặc một câu văn.-Dấu chấm lửng ở trên cùng một dòng với câu văn. |

. |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ*Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nói về bài học mà em rút ra được từ một truyện ngụ ngôn, trong đó có sử dụng dấu chấm lửng*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | *Câu chuyện Ếch ngồi đáy giếng kể về cách nhìn nhận, đánh giá thế giới bên ngoài chỉ qua cái miệng giếng nhỏ hẹp của ếch. Truyện như ngầm phê phán những người vốn hiểu biết thì hạn hẹp mà lúc nào cũng xưng ta đây tài giỏi, hiểu biết nhiều thứ, tự cao, huênh hoang…Từ ý nghĩa mà câu chuyện Ếch ngồi đáy giếng để lại, tự bản thân em thấy cần phải khắc phục những hạn chế của mình. Đồng thời không ngừng học hỏi tích lũy thêm kinh nghiệm để có được tầm nhìn sâu rộng. Không nên chủ quan trong bất cứ việc gì, không kiêu ngạo vì những thứ đó sẽ dẫn đến thất bại trong sự nghiệp và cuộc đời của chúng ta.*  |

**\*Hướng dẫn tự học**

**1. Bài vừa học**

- Học thuộc nội dung bài học

- Hoàn thiện bài tập

**2. Bài sắp học :** Chân, Tay, Tai, Mắt, Mũi, Miệng

- Đọc và tóm tắt ngắn gọn văn bản

- Liệt kê những dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản là truyện ngụ ngôn.